

I. Việt Nam với Biển Đông

Chúng ta đều biết hiện nay các ngành các cấp trong cả nước đang triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (Khoá X) của Đảng về “Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020”.

Trước mặt, “chúng ta cần đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền biển, đào tạo nhân tố số chuyên biển mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của các cấp uỷ Đảng, các ngành, các tầng lớp nhân dân và vị trí chiến lược của biển, đào tạo nước ta. Phải đầu tư thực hiện mục tiêu đến năm 2020 đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển, bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia trên biển theo của Tổ quốc” (Hàng dạn số 65 – HD/BTGTW ngày 26 / 11 / 2008 của Ban Tuyên giáo Trung ương).

Đây là một chuyên vấn của tôi và mọi. “Mọi” chỉ đến Nghị quyết Trung ương 4 của Đảng, “Chiến lược biển, đào Việt Nam đến năm 2020 mọi được chính thức đưa ra. Còn “c” là chỉ từ ngàn xưa, từ tiên ta đã sớm xem biển Đông như một nhà cửa ngòi của dân tộc.

Dưới đây xin nêu một vài điểm chính.

Như sách đã chép, bà Lạc Long và mẹ Âu Cơ sau khi sinh họ được 100 người con, đã cho một nhà theo cha và miền biển và một nhà theo mẹ và miền đất bồng bềnh như trung du để làm nên sinh sống. Long Quân nói : “Nay phải chia ly, ta sẽ mang năm mươi con trai về Thuỵ phủ, chia trả các nợ ; còn năm mươi đưa sẽ theo mẹ ở trên đất, chia nước ra mà cai trị. Nhưng lúc lên non xuống nước, có xảy ra việc gì, phải cùng chia sẻ, đừng bỏ nhau” (Linh Nam chích quái, Hàng Bàng Thế truyền).

Riêng số người Việt sống và nghề biển này, cũng theo số chép, đã phải buớc tóc (hoác cắt tóc ngắn), xỏm hoa vụn trên người, để phòng các loài vật sống ở biển gây hại : “Thị bầy gi, dân ở miền núi (có thể hiểu là sống trên đất liền) xuống đánh cá ở dưới nước thường bị loài giao xà gây thủng t, bèn t bày việc y với vua (đây chế vua Hùng). Vua nói : “Giống sốn man khác với giống thú t; giống thú t của nhng cái giống mình và ghét nhng cái khác mình, cho nên chúng ta bị chúng gây hại”. Bèn ra lệnh cho ai n y l y m c xỏm vào người thành hình thú quái, t đó không còn lo xà long c n bị thủng n a. T c v mình (v n thân) của dân Bách Việt bắt đầu t đ y” (Hng Bng Th truy n). Nhiu sách c của Trung Quốc như Các Lng truy n (Ai Công thp tam niên) hay L ký (sỏn vào thi Tây Hán) cũng có chép việc này. Chng h n L ký (Vng ch) viết : “ông phng viết Di, bị phát v n thân = người ở phía ông gọi là Di, có t c bu c tóc, v mình”. Khng Dnh t (đi ng) chú thích : “Người Việt cắt tóc, v mình để cho loài giao long ở biển khỏi làm hại”.

Ngoài việc cung cấp các ngu n l i v thu s n, biển Đông còn là đường giao thông t n ích, t o đi u ki n cho người Việt c v n ra buôn bán và giao lưu v n hoá với nước ngoài. Theo truy n Ch m D Tr ch thì vào thi Hùng Vng, Công chúa Tiên Dung sau khi l y Ch ng T, đã b o chàng theo thng nh n ra nước ngoài buôn bán để m r ng việc làm n. Ng T t đó thng lnh đnh trên biển Đông. M t hôm các thng nh n ghé thuy n vào núi Quỳnh Vi để l y nước, ng T cũng theo lên núi d o chi. Trên núi có am c. M t v s am tên là Ph t Quang đã truy n phép Ph t cho ng T” (Lnh Nam chích quái. Nh t D Tr ch truy n).

Còn với các đảo khác ở biển Đông thì sao? V v n đ này, Truy n đ a h u đã cung cấp cho ta m t thông tin quan trng : “X a, vào đi Hùng Vng có viên quan Mai An Tiêm v n là người ngoi qu c, b y tám tu i đã theo thuy n buôn đ n nước ta, đ c vua mua v làm nô b c. T i khi trng thành, di n m o chng ch c, hi u bị t r ng rãi, đ c vua ban cho h là Mai, tên là Y n, hi u là An Tiêm ; l i ban cho m t người thi p, sinh đ c m t trai, m t gái. Vua r t tin yêu, giao cho công việc, An Tiêm đ n đ n tr nên giàu sang, ai n y đ u n trng. Quà cáp vào nhà không th gì là không có. An Tiêm t đó sinh kiêu cng, ng o m n, thng nói r ng số đ đ c nh ngày nay là do số ki p, ch chng phi n hu gì ở vua Hùng”. Th y An Tiêm kiêu m n, vua bèn đ u i Mai Y n ra bãi cát ngoài của biển Thán S n, n i b n bị không người qua l i đ th thách. Nh đ a vào lao đng, hai v chng An Tiêm đã phát tri n đ c ngh trng đ a h u trên đảo đ sng. Tinh th n t l p của Mai Y n đã khi n vua Hùng c m đng, nhà vua bèn tri u An Tiêm v và giao cho công việc nh c, đ t tên bãi cát (sa châu) mà An Tiêm đã khai phá là “bãi An Tiêm”.

Những câu chuyện trên đây dù ít nhiều còn mang tính huy ngôn thời, vãn bản nấu mọt sọt thọt : tọt tiên ta tọt xa xa đã nuôi chí khai thác biên Đông. Nhiệm vụ của chúng ta ngày nay là phát huy truyền thống đó để thực hiện tọt “Chiến lược biên, đảo Việt Nam đến năm 2020” !

II. Việt Nam với các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa

Trước khi đi vào vãn đề này, tôi muốn trở lại mọt chút vãn cuộc Hội thảo khoa học quốc gia vãn “Lịch sử biên đảo Việt Nam nhân dịp kỷ niệm 500 năm tọt bản đảo Hồng Kông” do Hội Trốt đảo – Bản đảo – Vãn thám Việt Nam tọt chức tọt Hà Nội vào năm 1990 mà tôi có tham gia.

Phát biểu nhiều nhất trong Hội thảo là hai vãn đề sau đây :

1. Các bản đảo của Việt Nam dọt thi Trung đọt.
2. Bản đảo Hồng Kông, cùng các dọt bản và tọt bản của nó.

Vãn vãn đề thọt nhất, có khoảng 7 bản báo cáo, chủ yếu xoay quanh các nội dung như thống kê, phân loại và tìm hiểu đọt điếm chung của các bản đảo Việt Nam thọt Trung đọt. Tham luận của tôi trong Hội thảo lần đó là Bản đảo của Việt Nam (hiện đã đưa lên Website của Viện Nghiên cứu Hán Nôm www.HANOM.ORG.VN), tọt trung giới thiệu 49 tọt bản đảo (atlas) mà tôi đọt c biết tọt, trong đó có 41 tọt hiện có tọt Viện Nghiên cứu Hán Nôm, và 8 tọt hiện tàng trữ tọt mọt sọt Thọt vãn lần ở Paris, Pháp (xem Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia vãn Lịch sử biên đảo Việt Nam nhân dịp kỷ niệm 500 năm tọt bản đảo Hồng Kông, Hà Nội 1990, tr. 148 – 159).

Vài nội dung thế hai – Bên đờ Hông đờc, có 6 bên báo cáo tởt cở. Đáng chú ý là trong nhữg tham luận này, có một số trờc tiếp đờ cởp đờn quờn đờo Hoàng Sa, Trường Sa, nhữg tham luận cởa Vở Phi Hoàng vờ i tiêu đờ Vở một bên bên đờ Việt Nam cở thế kở XV ; tham luận cởa Phỏm Hân vờ i tiêu đờ Bên đờ cở Việt Nam và cởng giởi lãnh thế nhữc ta tở thế kở XV đờn XIX v.v. Cở 2 bên tham luận vờa nêu đờu nhữc tởi công trờnh nghiên cởu công phu cởa G.M. Dumoutier, một phái viên cởa Bở giáo đờc Pháp làm viởc tởi Hà Nời vào khoỏg cuở thế kở XIX. Công trờnh cởa Dumoutier đờc lờu giở tởi Thế viờn Quỏc gia Paris, mang ký hiỏu 922, nỏm 1897. Trong tởp nghiên cởu vờ “Hông đờc bên đờ” cởa một tởp thế tác giở do Bở Quỏc gia giáo đờc Sài Gòn xuỏt bên nỏm 1962, phỏn Lỏi giởi thiỏu cởng có đờ cởp đờn công trờnh nghiên cởu cởa Dumoutier, nhữg vờ “chờa tiếp xúc đờc” vờ i phỏn tở liỏu bên đờ in kèm theo công trờnh cởa nhà nghiên cởu ngỏi Pháp, nên các tác giở phỏng đỏn phỏn tở liỏu bên đờ này đời khỏi cởng giỏng nhữ các bên đờ đờ Q. 1 cởa bên Thiên Nam tở chí lờ đờ thế ...

Sở đờ các nhà nghiên cởu cởa ta đờc biỏt chú ý đờn công trờnh cởa Dumoutier , là vờ đờ công trờnh này, Dumoutier có nói đờn một số ghi chép trên tởp bên đờ mà ông có đờp tiếp cởn chỏng tở Hoàng Sa, Trường Sa tở đời Lê đờ đờc ngỏi Việt Nam khai thác. Một câu hỏi tở nó đờt ra : Vờy thì tởp bên đờ mà Dumoutier dùng đờ nghiên cởu, rỏt cỏc là bên đờ nào ? Nỏm 1996, nhàn đờ công tác tởi Pháp, tởi có dành ra một ít thì giở đờ tìm hiỏu vờ vờn đờ này. đờ Thế viờn Quỏc gia Paris, tởi thếy có cuỏn Bên đờ các hỏi cởng (Portulan)do ngỏi nhữc ngoài vờ, nhữg thết đáng tiỏc, vờ công trờnh nghiên cởu cởa Dumoutier lờu trờ tởi đờy thì chờa tìm đờc. đờ Thế viờn Hỏc viờn Viờn đờng Pháp, tởi thếy có cuỏn Tỏn Lê Nam Việt bên đờ mô bên. Cuỏn này đờ Việt Nam chờa có, tởi bèn sao chỏp lỏi và mang vờ. đờ Thế viờn Hiỏp hỏi Châu á có các cuỏn nhữ Bỏc số đờ tởp, Giao Châu chí, Sở trờnh đờ hoỏ, Tỏn tởp Thiên Nam lờ đờ thế (4 cuỏn này đờu do gia đờnh H. Maspéro hiỏn tởng), đời Nam cởng giởi vỏng biên, Thuỏ lỏc trờnh đờ. Trong số sách vờa nêu, cuỏn Tỏn tởp Thiên Nam lờ đờ thế đờ Việt Namcởng chờa có, nhữg một lỏn nờa thết đáng tiỏc là tởi cởng chờa sao chỏp đờc.

Hai cuỏn sách mà đờ Việt Nam chờa có vờa nói, mang một số đờc đờm đáng chú ý nhữ sau :

1. Tỏn tởp Thiên Nam lờ đờ thế : sách đờc chép lỏi vào nỏm Cỏnh Hông 2 (1741), 1 bên viỏt tay, 107 trang, khỏ 30,4 x 16,2 cm. Ký hiỏu SA. HM. 2241. Nội dung gỏm bên đờ Tuyên Quang, Hông Hoỏ Sỏn Tây, Sỏn Nam, Thanh Hoa, Nghỏ An,

Thuận Hoá, Quảng Nam ... Có ghi hành trình b ờng đ ờng sông, đ ờng biển và đ ờng b ờ t ờ Kinh thành Thăng Long đ ờn các đ ờa ph ờng trong c ờ n ờc. Có th ờ v ờnh c ờnh c ờa các vua. Sách c ờ nát, m ờt s ờ trang đã đ ờc b ời vá l ời.

2. T ờn Lê Nam Việt b ờn đ ờ mô b ờn : g ờm 58 trang, kh ờ 32 x19 cm, v ờ b ờng bút màu, ký hi ờu EFEO. VIET/A/Géo 4. Ờây là t ờp b ờn đ ờ n ờc ta th ời Lê, g ờm b ờn đ ờ Thăng Long, b ờn đ ờ 13 th ờa tuyên và 2 b ờn đ ờ toàn qu ờc, do Phạm ờnh H ờ theo l ờnh vua v ờ xong vào ngày 1 tháng 8 n ờm Minh M ờnh th ờ 19 (1838), tr ờc khi ông m ờt 1 n ờm (Ch ờ “mô b ờn” trong tiêu đ ờ sách có ngh ờa là đ ờa vào b ờn g ờc mà đ ờ ra thành b ờn th ờ 2, c ờng nh ờ bây gi ờ ta nói v ờ c ờn ke v ờy).

Ờáng chú ý là 2 b ờn đ ờ toàn qu ờc trong t ờp atlas này, m ờt b ờn v ờ theo l ời c ờ, đ ờa lý n ờc ta ờ đây ch ờ vào t ời Quảng Nam (đ ờn Th ờch Bi), và t ờp theo đó là Chiêm Thành. Còn b ờn th ờ hai thì v ờ theo l ời m ời : n ờc ta đ ờc v ờ theo hình ch ờ S, t ờ L ờng S ờn đ ờn m ời Cà Mau, có kèm theo các n ờc Lào, C ờm pu chia n ờa. Nói ng ờn g ờn, b ờn đ ờ th ờ nh ờt là v ờ đ ờa hình n ờc ta vào th ời Lê theo l ời v ờ truy ờn th ờng, còn b ờn đ ờ th ờ hai là v ờ đ ờa hình n ờc ta vào th ời Minh M ờng theo l ời v ờ đã ít nhi ờu ch ờu ờnh h ờng c ờa Khoa đ ờa lý h ờc ph ờng Tây. Trên vùng biển c ờa t ờm b ờn đ ờ th ờ hai này có v ờ m ờt s ờ qu ờn đ ờo mà tôi ch ờa k ờp nghiên c ờu, vì c ờ này xin đ ờ tìm hi ờu sau.

Xin nói thêm r ờng Phạm ờnh H ờ có so ờn cu ờn Càn khôn nh ờt l ờm dày 244 trang, trong đó có đ ờa lý Việt Nam và đ ờa lý m ờt s ờ n ờc lân c ờn. V ờ ph ờn đ ờa lý Việt Nam, có c ờ b ờn đ ờ Thăng Long và b ờn đ ờ 13 th ờa tuyên th ời H ờng ờc, cùng đ ờng giao thông thu ờ, b ờ v.v. mà chúng ta c ờn nghiên c ờu. Sách này Việt Hán Nôm đang có.

V ờ v ờn đ ờ ch ờ quy ờn Việt Nam đ ời v ời các qu ờn đ ờo Hoàng Sa, Tr ờng Sa (th ời c ờ g ời là “Bãi cát vàng ời Hoàng Sa - ời Tr ờng Sa”), ngoài nh ờng ghi chú trên các t ờp b ờn đ ờ tri ờu Lê nh ờ H ờng ờc b ờn đ ờ, T ờn t ờp Thiên Nam t ờ chí l ờ đ ờ v.v. mà nhi ờu tham lu ờn trong H ời th ờo qu ờc gia v ờ “L ờch s ờ b ờn đ ờ Việt Nam” cách đây 20 n ờm đã nh ờc t ời, ta còn th ờy có nh ờng ghi chép t ờng ờng trong Ph ờ biên t ờp l ờc c ờa Lê Quý ờôn hay ời Nam th ờc l ờc c ờa các s ờ gia tri ờu Nguy ờn.

Phụ biên tập lược cung cấp một số thông tin về hoạt động của các đảo Hoàng Sa, Bắc Hải liên quan đến người dân Quảng Ngãi dưới thời các chúa Nguyễn. Hội boy gi, theo ghi chép của Lê Quý Đôn, Hoàng Sa là thuộc vào số cai quản của phủ Quảng Nghĩa. Hàng năm chúa Nguyễn lập đảo Hoàng Sa gồm 70 người, là các dân binh lấy từ người dân hai xã An Hải và An Vĩnh thuộc huyện Bình Sơn (nay An Hải thuộc huyện Bình Sơn, An Vĩnh thuộc huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi), sau đó là người phương An Hải và phương An Vĩnh thuộc đảo Lý Sơn (cù lao Ré) đi thuyền đến Hoàng Sa để tuồn phòng và khai thác đồi mồi, ba ba, hải sâm, san hô, đôi khi họ còn nhặt được cả báu vật nữa. “Tết tháng giêng, họ đi nhận quy định rồi làm sai dịch và bắt đầu xuất phát. Mỗi người được cấp 6 tháng lương. Họ chèo năm chiếc thuyền câu nhỏ, sau đó ba ngày ba đêm thì đến đảo. Họ tha hồ lượm nhặt các thú vật và bắt chim bắt cá để làm thức ăn. Họ được các vật như gấm và ngựa đúc bằng đồng, hoa bạc, tiền bạc, vòng bạc, đồ đồng, thiếc khò, chì đen, súng ống, ngà voi, sáp ong vàng, đồ len d, đồ sứ ... Họ còn nhặt được cả đồi mồi, hải sâm và vô số vật quý. Đến tháng tám thì đảo Hoàng Sa lấy mồi về. Họ đến thành Phú Xuân trình nộp các thú đã lấy được. Người ta cân, kiểm tra, phân loại và biên nhận các vật, riêng kho bạc của ba ba, hải sâm thì cho phép đem đổi được tiền ý đem bán lấy tiền” (Phụ biên tập lược, Q.2).

Đảo Minh Mạng, các chức vụ của triều đình và việc đo vẽ các đảo Hoàng Sa lại càng thêm rõ. Sách của Nam học lược chính biên do nhà K, Q.165 chép : “Năm Minh Mạng 17 (1836), Bộ Công tâu : “Hoàng Sa thuộc công việc một biên giới ta, rất hiểm yếu, từng sai vẽ bản đồ nhưng vì hình thù xa rộng nên mới chỉ vẽ được một nơi. Lại công việc biên giới rõ nên làm thế nào. Hàng năm thường phái người đi xem xét cho khắp để thông thuộc đường biên. Xem từ năm nay về sau, mỗi khi đến hạn tuồn tháng giêng, chọn phái thu quân biên binh và giám thành đáp một chiếc thuyền ô nhóm thường tuồn tháng hai thì đến Quảng Ngãi, giao cho hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định thuê 4 chiếc thuyền của dân hàng đ ra xứ Hoàng Sa. Không cần là đảo nào, bãi cát nào, phạm khi thuyền đến một nơi tức thì chiếu chỉ quy chiếu dài, chiếu ngang, chiếu cao, chiếu rộng, chu vi và nước biên bên chung quanh nông hay sâu, có bãi ngầm, đá ngầm hay không, hình thù hiểm trở hay bình dị thế nào phải xem xét đo đạc rõ ràng, vẽ thành bản đồ. Lại chiếu ngày khi hành, từ cửa biên nào ra khi, nhóm phương hàng nào đi đến nơi quy, cần cần vào thu trình đã qua, tính được được bao nhiêu dặm. Lại từ xứ quy trở vào biên, đi thế nào là vào tỉnh hạt nào, phương hàng nào, được lương cách biên biên chừng bao nhiêu dặm đều nhặt nhặt phải nói rõ, lên lượt đem vẽ dâng trình”. Vua chu y lại tâu và năm đó cần suất để thu quân Phạm Hữu Nhật đưa quân ra Hoàng Sa”.

Có thể thấy Hoàng Sa, Trường Sa từ lâu đã trở thành một bộ phận của lãnh thổ Việt Nam và các triều đại phong kiến nước ta từ Lê đến Nguyễn đã liên tục thực hiện

khai thác các nguồn lợi ở vùng biển đảo này, đó là điều không còn nghi ngờ gì nữa.

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2009.

GS. Trần Nghĩa, Nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu Hán Nôm.